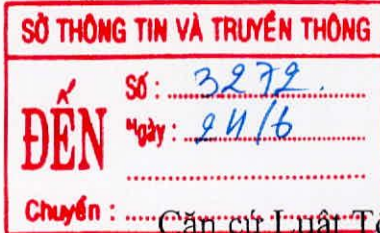


Số: 10 /2019/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Bổ sung vào Khoản 1, Điều 4 Quy định bảng giá các loại đất; bổ sung giá đất ở đô thị tại thị xã Buôn Hồ và điều chỉnh tên một số tuyến đường của huyện Krông Năng trong bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 136/2014/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa VIII – Kỳ họp thứ 9 về Bảng giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 159/TTr-STNMT ngày 22 tháng 4 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung Điểm đ vào Khoản 1, Điều 4 của Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

“...đ. Trường hợp thửa đất được điều chỉnh giá đất theo chiều sâu của thửa đất tại các Điểm a, b, c và d của Khoản 1, Điều này, trong quá trình thực hiện nếu giá đất thấp hơn giá đất tối thiểu theo khung giá đất ở tại đô thị của Chính phủ quy

định cho vùng Tây Nguyên hoặc thấp hơn giá đất ở thấp nhất tại nông thôn được HĐND tỉnh quy định thì phần diện tích đất được điều chỉnh giá đất được áp dụng bằng giá đất ở tối thiểu theo khung giá đất ở đô thị của Chính phủ quy định cho vùng Tây Nguyên và giá đất ở thấp nhất tại nông thôn được HĐND tỉnh quy định”.

Điều 2. Bổ sung giá đất ở đô thị tại 09 tuyến đường chưa được quy định giá đất tại Khu đô thị Đông Nam, đường Trần Hưng Đạo, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ vào Mục III, Bảng số 7 của Bảng giá các loại đất trên địa bàn thị xã Buôn Hồ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
1	Đường N1	Đường N6	Đường N8	3.200.000
2	Đường N5	Đường N7	Đường N8	2.500.000
3	Đường N6	Đường N4	Đường N5	2.300.000
4	Đường N7	Đường N3	Đường N5	2.400.000
5	Đường N8	Đường N4	Đường N5	2.500.000
6	Đường N12	Đường N1	Đường N2	3.000.000
7	Đường N13	Đường N7	Đường N8	2.400.000
8	Đường N14	Đường N7	Đường N8	2.300.000
9	Đường N15	Đường N5	Đường N8	2.300.000

Điều 3. Điều chỉnh tên nhưng giữ nguyên giá đất đã được phê duyệt của một số tuyến đường tại thị trấn Krông Năng, xã Dliêya và xã Phú Xuân, huyện Krông Năng trong Bảng số 6, Bảng số 7 của Bảng giá các loại đất trên địa bàn huyện Krông Năng ban hành kèm theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh để phù hợp với vị trí chính xác của từng đoạn đường.

(Chi tiết có Phục lục các đoạn đường được điều chỉnh tên kèm theo)

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Buôn Hồ và thành phố Buôn Ma Thuột; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 6 năm 2019 *km*

Nơi nhận: *nh*

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT. Tỉnh uỷ, TT. HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc VN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Website tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh, Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: KT, TH, CN, NN&MT
- Lưu VT, NN&MT (V-20b)



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

Phụ lục các đoạn đường được điều chỉnh tên trên địa bàn huyện Krông Năng
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **10** /2019/QĐ-UBND ngày **19** tháng **6** năm 2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

TT	Theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND			Điều chỉnh		Mức giá (đồng/m ²)	Lý do điều chỉnh
	Tên đường	Đoạn đường		Đoạn đường			
		Từ	Đến	Từ	Đến		
I. Thị trấn Krông Năng							
1	Nơ Trang Long	Tuệ Tĩnh	Lê Thánh Tông	Tuệ Tĩnh (thửa đất số 12 tờ bản đồ địa chính số 79)	Phan Bội Châu (thửa đất số 41 tờ bản đồ địa chính số 79)	1.300.000	Ghi tên sai tuyến đường
2	Tỉnh lộ 3 +40m	Ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Thông	Thửa đất hộ ông Trần Văn Hưng	Ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Thông (thửa đất số 15 tờ bản đồ địa chính số 110)	Thửa đất hộ ông Đỗ Giám (thửa đất số 12 tờ bản đồ địa chính số 115)	300.000	Không xác định được vị trí hộ ông Trần Văn Hưng
II. Xã Dliêya							
1	Trục đường chính	Ngã tư TT xã (H.thuộc Bà Nhót)	Ngã ba cây xăng Quý Điều	Ngã tư TT xã (nhà Lộc Hương) (thửa đất số 125 tờ bản đồ 112)	Công chào Văn hóa Buôn Kmang (thửa đất số 17 tờ bản đồ 112)	2.100.000	Khó xác định giá đất ở
2	Trục đường chính	Ngã tư TT xã (H.thuộc Bà Nhót)	Ngã ba Bích Lợi	Ngã tư TT xã (nhà Lộc Hương) (thửa đất số 174 tờ bản đồ địa chính số 112)	Ngã ba Bích Lợi (thửa đất số 227 tờ bản đồ 112)	2.100.000	Khó xác định giá đất ở
3	Trục đường chính	Ngã tư TT xã (H.thuộc Bà Nhót)	Ngã tư nhà bà Thảo	Ngã tư TT xã (nhà Lộc Hương) (thửa đất số 145 tờ bản đồ 112)	Ngã tư nhà bà Thảo (thửa đất số 227 tờ bản đồ địa chính số 112)	2.100.000	Khó xác định giá đất ở
4	Khu vực thôn Ea Krái	Ngã tư thôn Ea Krái	Nhà ông Thế	Ngã tư thôn Ea Krái (thửa đất số 80 tờ bản đồ 98)	Nhà ông Hà Văn Thê (thửa đất số 32 tờ bản đồ 100)	200.000	Sai tên chủ sử dụng đất
5	Khu vực thôn Ea Krái	Nhà ông Thế	giáp xã Ea Tóh	Nhà ông Hà Văn Thê	Giáp xã Ea Tóh	160.000	Sai tên chủ sử dụng đất

III. Xã Phú Xuân

1	Đường Tỉnh lộ 3	UBND xã Phú Xuân	Chợ xã Phú Xuân (giáp rừng già)	UBND xã Phú Xuân	Cổng chào thôn Xuân Thành (giáp rừng già)	750.000	Khó xác định giá đất ở
2	Đường Tỉnh lộ 3	Chợ xã Phú Xuân (giáp rừng già)	Cây xăng Diệu Hóa	Cổng chào thôn Xuân Thành (giáp rừng già)	Cây xăng Diệu Hóa (thửa đất số 145 tờ bản đồ 91)	450.000	Khó xác định giá đất ở